TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2019
V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải
2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 239/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2019, về việc "Tranh chấp về Hôn nhân & gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị M, sinh năm 1965

Địa chỉ: số A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Võ Thành N, sinh năm 1965

Địa chỉ: số A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp..

(Bà M có mặt, ông N vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông N chung sống với nhau vào tháng 10 năm 1988, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, không có hạnh phúc. Đến năm 1998, ông N bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác cho đến nay, bà M không rõ tin tức gì về ông N. Bà M đã yêu cầu Tòa án giải quyết thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quyết định số 13/2018/QĐST-VDS ngày 04/7/2018 và yêu cầu giải quyết tuyên bố mất tích

theo quyết định số 04/2019/QĐST-VDS ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Kim Hương, sinh ngày 01/6/1990. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- **Ông Võ Thành N**: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho ông N, nhưng ông N không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên toà, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành N. Ông N có địa chỉ nơi cư trú tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Do ông Võ Thành N vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Thành N kết hôn vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành N. Ông N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Bà M và ông N chung sống với nhau vào tháng 10 năm 1988, không đăng ký kết hôn. Bà M và ông N có một con chung tên Võ Thị Kim Hương, sinh ngày 01/6/1990 theo Giấy khai sinh số 290, ngày 07/9/1991 (mẹ tên Nguyễn Thị M và cha tên Võ Thành N) của Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân giữa bà M và ông N vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về "Đăng ký kết hôn", như sau:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. ……".

Bà M và ông N có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà vẫn sống chung với nhau như vợ chồng. Bà M yêu cầu được ly hôn với ông N, ông N bỏ nhà đi từ năm 1998 đến nay, bà M không rõ tin tức gì về ông N. Theo xác nhận của Công an xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh: "*Võ Thành N, sinh năm 1965, địa chỉ: tổ 6, ấp Tịnh Hưng, xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không có sinh sống tại địa phương từ năm 1998 đến nay*". Bà M đã yêu cầu Tòa án giải quyết thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quyết định số 13/2018/QĐST-VDS ngày 04/7/2018 và yêu cầu giải quyết tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2019/QĐST-VDS ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, quyết định có hiệu lực thi hành.

Do quan hệ hôn nhân giữa bà Mun và ông N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do đó áp dụng các Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Võ Thành N.

[3] Về con chung : Bà M và ông N có 01 con chung tên Võ Thị Kim Hương, sinh ngày 01/6/1990. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà M xác định không có, ông N không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Võ Thành N không phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị M và ông Võ Thành N.

- Về con chung : Có 01 con chung tên Võ Thị Kim Hương, sinh ngày 01/6/1990. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Bà M xác định không có, ông N không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009007, ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà M đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Võ Thành N không phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Chi Cục THA DS Tp. Cao Lãnh;
- Viện kiểm sát ND Tp. Cao Lãnh;
- UBND xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Lê Công Khanh